

Số: 483 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018
của thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị Quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 105/TTr-STNMT ngày 07/3/2018 và của UBND thị xã Bình Long tại Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 18/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thị xã Bình Long với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)					
			Phường Hưng Chiên	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương	Phường An Lộc
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	12.616,61	2.367,78	394,35	400,04	3.218,39	5.249,41	986,65
1	Đất nông nghiệp	10.783,00	1.808,33	307,69	263,76	2.863,13	4.737,28	802,81
1.1	Đất trồng lúa	272,80	47,29	19,80	30,71	80,15	80,55	14,30
1.1.1	Đất lúa nước	0,79	-	-	-	-	-	0,79
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	272,01	47,29	19,80	30,71	80,15	80,55	13,51
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	96,76	44,20	3,53	4,23	10,41	27,06	7,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	10.319,31	1.711,88	284,07	228,68	2.766,92	4.547,46	780,30

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)					
			Phường Hưng Chiến	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương	Phường An Lộc
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	21,01	4,96	0,29	0,14	5,49	9,25	0,88
1.5	Đất nông nghiệp khác	73,12	-	-	-	0,16	72,96	-
2	Đất phi nông nghiệp	1.833,62	559,45	86,66	136,28	355,26	512,13	183,84
2.1	Đất quốc phòng	20,90	-	-	2,33	-	11,30	7,27
2.2	Đất an ninh	3,27	2,69	0,20	0,21	-	-	0,17
2.3	Đất khu công nghiệp	4,00	4,00	-	-	-	-	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	8,09	1,50	1,27	0,45	2,14	1,63	1,10
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	118,30	12,50	1,28	0,77	2,52	98,98	2,25
2.6	Đất phát triển hạ tầng	708,79	170,01	36,07	50,25	183,97	184,98	83,51
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,76	-	0,21	-	-	-	0,55
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,20	-	-	-	-	0,20	-
2.9	Đất ở tại nông thôn	172,91	-	-	-	85,37	87,54	-
2.10	Đất ở tại đô thị	250,45	101,25	34,93	43,86	-	-	70,41
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	55,80	46,99	0,73	3,66	3,51	0,29	0,62
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,53	0,37	-	-	-	-	0,16
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	17,15	12,74	0,44	0,29	1,88	0,70	1,10
2.14	Đất làm nghĩa trang, NĐ, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	44,57	8,92	0,74	1,42	9,05	21,78	2,66
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	25,30	-	3,69	-	1,30	17,98	2,33
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	7,64	0,48	0,20	0,23	1,44	2,29	3,00
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	4,73	4,52	-	0,21	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,84	0,10	0,43	0,08	0,23	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	191,53	12,11	6,29	16,81	63,85	84,46	8,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	35,78	35,78	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	162,08	145,49	0,18	15,71	-	-	0,70
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)					
			Phường Hưng Chiến	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương	Phường An Lộc
TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI		258,82	254,64	209,27	4,44	13,07	14,20	3,51
1	Đất nông nghiệp	246,68	251,84	209,17	4,44	13,07	14,20	3,51
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	0,39	1,06	0,14	-	-	-	0,10
1.2	Đất trồng cây lâu năm	246,29	250,78	209,03	4,44	13,07	14,20	3,41
2	Đất phi nông nghiệp	12,14	2,80	0,10	-	-	-	-
2.1	Đất phát triển hạ tầng	0,44	0,70	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	3,48	2,10	0,10	-	-	-	-

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)					
			Phường Hưng Chiến	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương	Phường An Lộc
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	304,61	222,01	6,18	27,91	17,27	17,62	13,62

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)					
			Phường Hưng Chiến	Phường Phú Thịnh	Phường Phú Đức	Xã Thanh Phú	Xã Thanh Lương	Phường An Lộc
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	5,96	1,14	0,50	0,20	0,20	0,60	3,32
1.2	Đất trồng cây lâu năm	298,65	220,87	5,68	27,71	17,07	17,02	10,30
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	30,65	4,00	6,15	5,17	3,00	6,00	6,33
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	23,50	4,00	2,50	3,00	3,00	6,00	5,00
2.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	7,15	-	3,65	2,17	-	-	1,33

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018

Năm 2018, thị xã Bình Long không còn đất chưa sử dụng.

Điều 2. Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của thị xã Bình Long được phê duyệt, UBND thị xã Bình Long có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1st CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh